

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận báo cáo viên pháp luật Trung ương của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Điều 24 của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 24/2025/TT-BTP;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận báo cáo viên pháp luật Trung ương của Bộ Xây dựng đối với 252 cá nhân có tên tại Danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của báo cáo viên pháp luật Trung ương được thực hiện theo quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chấm dứt việc thực hiện các Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật Trung ương của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Hội đồng PHPBGDPL Trung ương (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC. 



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Văn Sinh

Phụ lục
DANH SÁCH BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ và nơi công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực chuyên môn dự kiến kiêm nhiệm để thực hiện hoạt động PBGDPL
I	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng			
1.	Lê Quyết Tiến	Cục trưởng	Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư đường bộ	Quản lý đầu tư xây dựng
2.	Đàm Đức Biên	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng; kinh tế đô thị; thống kê ngành xây dựng
3.	Hồ Ngọc Sơn	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư xây dựng cầu đường	Kinh tế xây dựng; hợp đồng trong hoạt động xây dựng
4.	Trương Thị Thu Thanh	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ kinh tế xây dựng, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng và hợp đồng trong hoạt động xây dựng
5.	Bùi Văn Dưỡng	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ xây dựng cầu hầm, Kỹ sư xây dựng cầu hầm	Quản lý hoạt động xây dựng
6.	Nguyễn Chí Hiếu	Phó Cục trưởng	Tiến sỹ kỹ thuật, Kỹ sư xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng
7.	Nguyễn Bắc Thủy	Trưởng phòng Kinh tế và hợp đồng xây dựng	Thạc sỹ quản lý xây dựng, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Quản lý kinh tế trong đầu tư xây dựng và hợp động xây dựng
8.	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Trưởng phòng Kinh tế và hợp đồng xây dựng	Tiến sỹ chỉ huy, quản lý kỹ thuật, Kỹ sư hệ thống điện	Quản lý kinh tế trong đầu tư xây dựng và hợp động xây dựng
9.	Đinh Hữu Minh	Chuyên viên chính	Thạc sỹ kinh tế xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Quản lý kinh tế trong đầu tư xây dựng và hợp động xây dựng
10.	Bùi Đức Dũng	Quyền Trưởng phòng Thể chế chính sách về quản lý dự án đầu tư xây dựng	Thạc sỹ xây dựng dân dụng, Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng

11.	Doãn Mạnh Hùng	Phó Trưởng phòng Thể chế chính sách về quản lý dự án đầu tư xây dựng	Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
12.	Nguyễn Thị Thu Hà	Chuyên viên chính, Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	Thạc sỹ quản lý đô thị, Kiến trúc sư	Quản lý hoạt động xây dựng
13.	Đặng Hoài Nam	Trưởng phòng Định mức và Đơn giá xây dựng	Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Kiến trúc sư	Kinh tế xây dựng, kinh tế đô thị
14.	Vũ Quốc Trọng	Phó Trưởng phòng Định mức và Đơn giá xây dựng	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư quy hoạch và quản lý giao thông đô thị	Kinh tế xây dựng
15.	Nguyễn Thị Thu Hà	Chuyên viên Phòng Định mức và Đơn giá xây dựng	Thạc sỹ quản lý và kinh doanh, Cử nhân Kinh tế	Kinh tế xây dựng và Kinh tế đô thị
16.	Lê Tuấn Anh	Trưởng phòng Quản lý giấy phép và Năng lực hoạt động xây dựng	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
17.	Trần Minh Phú	Phó Trưởng phòng Quản lý giấy phép và Năng lực hoạt động xây dựng	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý hoạt động xây dựng
18.	Phạm Xuân Luyến	Trưởng phòng Quản lý xây dựng 4	Thạc sỹ xây dựng Dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
19.	Đào Văn Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý xây dựng 4	Thạc sỹ xây dựng, Kiến trúc sư	Quản lý hoạt động xây dựng
20.	Đặng Thế Hiến	Quyền Chánh Văn phòng	Tiến sỹ quản lý xây dựng, Thạc sỹ, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, kinh tế đô thị
21.	Vũ Thành Nam	Chuyên viên chính	Thạc sỹ quản lý đô thị và công trình; Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý hoạt động xây dựng
22.	Nguyễn Thanh Bình	Chuyên viên	Thạc sỹ kỹ thuật; Kỹ sư kỹ thuật công trình, Kỹ sư trắc địa	Quản lý hoạt động xây dựng

23.	Hoàng Tuấn Anh	Chuyên viên	Tiến sĩ kỹ thuật; Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
24.	Nguyễn Thành Hưng	Chuyên viên	Kỹ sư đô thị	Quản lý hoạt động xây dựng
25.	Trần Việt Hải	Chuyên viên	Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
26.	Nguyễn Thùy Lê	Chuyên viên	Thạc sĩ Kinh tế Đầu tư, Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng
27.	Đặng Đình Đức	Chuyên viên	Thạc sĩ, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Kinh tế xây dựng
28.	Nguyễn Văn Thông	Chuyên viên	Thạc sĩ kinh tế xây dựng, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng
29.	Lê Trường Giang	Chuyên viên	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
30.	Nguyễn Huy Quang	Chuyên viên chính	Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Quản lý hoạt động xây dựng
31.	Nguyễn Kim Tuấn	Chuyên viên	Thạc sĩ Quản lý dự án, Kiến trúc sư	Quản lý hoạt động xây dựng
32.	Đỗ Thế Anh	Chuyên viên	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý hoạt động xây dựng
33.	Đoàn Trần Bình	Chuyên viên	Thạc sĩ Đường bộ, Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý hoạt động xây dựng
34.	Trần Mai Anh	Chuyên viên	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, Kỹ sư kinh tế xây dựng	Quản lý hoạt động xây dựng
35.	Chu Việt Anh	Chuyên viên	Thạc sĩ quản lý dự án đầu tư xây dựng; Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý hoạt động xây dựng
II	Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản			
36.	Hà Quang Hưng	Phó Cục trưởng	Thạc sĩ	Nhà ở và bất động sản

37.	Vương Duy Dũng	Phó Cục trưởng	Thạc sĩ	Nhà ở và bất động sản
38.	Hoàng Thu Hằng	Phó Cục trưởng	Thạc sĩ	Nhà ở và bất động sản
39.	Chữ Văn Hải	Trưởng phòng Quản lý, phát triển nhà ở xã hội	Thạc sĩ	Nhà ở và bất động sản
40.	Phạm Thị Thu Hà	Phó trưởng phòng Quản lý, phát triển nhà ở xã hội	Thạc sĩ	Nhà ở
41.	Lý Thị Thanh Hoa	Phó trưởng phòng Quản lý nhà ở	Cử nhân luật	Nhà ở
42.	Phạm Phương Liên	Trưởng phòng nhà ở công vụ và chương trình mục tiêu	Thạc sĩ	Nhà ở
43.	Đoàn Anh Tuấn	Chuyên viên, Phòng nhà ở công vụ và chương trình mục tiêu	Thạc sĩ	Nhà ở
44.	Nguyễn Thu Vân	Trưởng phòng Quản lý nhà ở	Thạc sĩ	Nhà ở
45.	Nguyễn Hồng Phú	Phó trưởng phòng Quản lý thị trường bất động sản	Tiến sĩ	Bất động sản
46.	Lê Mạnh Linh	Chuyên viên, Phòng Quản lý thị trường bất động sản	Kỹ sư	Bất động sản
III	Ban QLDA Mỹ Thuận			
47.	Bùi Thị Quế	Chuyên viên Văn phòng	Cử nhân Luật	Công tác Đảng – Đoàn thể
IV	Cục Đường bộ Việt Nam			
48.	Hoàng Hồng Hạnh	Trưởng phòng, Phòng Pháp chế - Đầu thầu	Thạc sỹ Luật	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
49.	Lương Duyên Thống	Trưởng Phòng, Phòng Quản lý Vận tải	Kỹ sư ô tô máy kéo; thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động cơ	Pháp luật về đào tạo lái xe, quản lý vận tải
50.	Lê Hồng Điệp	Trưởng phòng, Phòng Quản lý, Tổ chức giao thông	Kỹ sư công trình cầu hầm; Thạc sỹ Kỹ thuật công trình giao thông; Thạc sỹ Quản lý an ninh phi truyền thống	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
51.	Tô Nam Toàn	Trưởng phòng, Phòng Khoa	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng	Pháp luật về khoa học công nghệ

		học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế	cầu đường; Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Tiến sỹ chuyên ngành xây dựng công trình	(Giao thông thông minh; Thu phí tự động không dừng...)
52.	Đặng Văn Ngạn	Phó trưởng phòng, Phòng Pháp chế - Đấu thầu	Thạc sĩ Luật	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
53.	Phạm Minh Tâm	Phó trưởng Phòng, Phòng Quản lý, Tổ chức giao thông	Kỹ sư Đường bộ; Thạc sỹ Xây dựng đường ô tô và đường thành phố	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
54.	Nguyễn Tiến Hồng	Phó trưởng Phòng, Phòng Quản lý, Tổ chức giao thông	Kỹ sư Chuyên ngành Xây dựng cầu; Thạc sỹ Kỹ thuật ngành xây dựng công trình hầm	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
55.	Vũ Sỹ Quý	hó trưởng Phòng, Phòng Quản lý, Tổ chức giao thông	Kỹ sư Xây dựng đường bộ ngành xây dựng cầu đường; Thạc sỹ kỹ thuật ngành xây dựng ngành công trình giao thông	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
56.	Đỗ Quốc Phong	Phó Trưởng Phòng, Phòng Quản lý Vận tải	Kỹ sư Khai thác vận tải Kinh tế đường bộ và TP; Thạc sỹ Tổ chức và quản lý vận tải	Pháp luật về đào tạo lái xe, quản lý vận tải
57.	Nông Thị Diệp	Chuyên viên, Phòng Pháp chế - Đấu thầu	Cử nhân Luật	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
58.	Vũ Trần Ngọc Anh	Chuyên viên, Phòng Pháp chế - Đấu thầu	Cử nhân Luật; Thạc sĩ quản lý kinh tế	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
59.	Đoàn Đức Thành	Chuyên viên, Phòng Pháp chế - Đấu thầu	Cử nhân Luật	Pháp luật về lĩnh vực đường bộ
60.	Nguyễn Thị Hiền Lương	Chuyên viên chính, Phòng Quản lý Vận tải	Cử nhân Luật Kinh tế	Pháp luật về đào tạo lái xe, quản lý vận tải
61.	Nguyễn Viết Kiêm	Chuyên viên, Văn phòng	Kỹ sư kỹ thuật giao thông	Pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ
62.	Nguyễn Thị Minh	Chuyên viên, Phòng Quản lý đầu	Cử nhân Luật, Thạc sỹ kinh	Pháp luật về đầu tư theo phương

	Hiếu	tư công tư	tế Quốc tế	thức đối tác công tư
63.	Trần Tự Phong	Chuyên viên, Phòng Quản lý chất lượng	Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ; Thạc sỹ kỹ thuật xây dựng đường ô tô và đường thành phố	Pháp luật về Quản lý dự án, chất lượng, đầu tư xây dựng công trình
64.	Vũ Hoàng Hải	Chuyên viên, Phòng Thẩm định	Cử nhân Luật; Thạc sỹ kinh tế; Kỹ sư cầu đường	Pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản
65.	Lê Đăng Duy	Phó Trưởng phòng, Phòng TC-HC, Khu QLDB I	Thạc sỹ Luật	Pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ
66.	Lương Đại Thắng	Chuyên viên, Phòng TC-HC, Khu QLDB I	Cử nhân Luật	Pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ
67.	Nguyễn Duy Nhất	Phó Trưởng phòng, Phòng QL,TCGT Khu QLDBII	Cử nhân Luật; Kỹ sư xây dựng cầu đường	Pháp luật về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, an toàn giao thông, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ
68.	Thái Trúc Ly	Phó Trưởng phòng, phòng TC-HC Khu QLDBII	Cử nhân Luật; Cử nhân kế toán	Pháp luật về tổ chức, quản lý công chức, viên chức
69.	Đỗ Thị Yến Nhi	Trưởng phòng, Phòng Quản lý, tổ chức giao thông, Khu QLDB IV	Cử nhân Luật; Kỹ sư xây dựng cầu đường; Thạc sỹ quản lý xây dựng	Pháp luật về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, an toàn giao thông, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ
V	Viện Kiến trúc Quốc gia			
70.	Trần Minh Ngọc	Nhân viên - Tạp chí Kiến trúc Việt Nam	Thạc sỹ Luật quốc tế	Truyền thông báo chí
71.	Phạm Thị Thanh	Chuyên viên - TT Đào tạo và hợp tác quốc tế	Cử nhân Luật	Đào tạo và hợp tác quốc tế
VI	Học viện Chiến lược bồi dưỡng cán bộ xây dựng			
72.	Phạm Văn Bộ	Phó Giám đốc	Tiến sỹ kinh tế	Kinh tế
73.	Lưu Đức Minh	Phó Giám đốc	Tiến sỹ Quy hoạch	Quy hoạch vùng và đô thị
74.	Vũ Hoàng Ngọc	Viện trưởng Viện đào tạo, bồi	Thạc sỹ kỹ thuật	Hoạt động xây dựng

		đường cán bộ công chức viên chức		
75.	Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Viện trưởng Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ kinh tế	Hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, đấu thầu
76.	Đặng Thị Dinh Loan	Phó Viện trưởng Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ kinh tế - Cử nhân Luật	Kinh tế và quản lý xây dựng
77.	Nguyễn Minh Tú	Phó Viện trưởng Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Kiến trúc sư	Xây dựng
78.	Trịnh Thanh Tùng	Giảng viên Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Cử nhân Luật	Đất đai, xử lý vi phạm hành chính
79.	Đặng Thị Quỳnh Hoa	Giảng viên Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ Quản lý đô thị và công trình	Quản lý kiến trúc quy hoạch và phát triển đô thị
80.	Vũ Thị Hồng Dung	Giảng viên Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ Luật	Quản lý đất đai, nhà ở, thị trường bất động sản
81.	Dương Thị Hoà	Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thạc sỹ Lưu trữ và Quản trị, văn phòng	Quản lý công
82.	Nguyễn Thị Thu Trang	Giảng viên Viện Bồi dưỡng nghiệp vụ giao thông và chuyên đổi xanh	Thạc sỹ Luật hành chính	Luật hành chính hiến pháp
83.	Hoàng Thị Cúc	Giảng viên Viện Bồi dưỡng nghiệp vụ giao thông và chuyên đổi xanh	Thạc sỹ Luật hành chính hiến pháp	Luật hành chính hiến pháp
84.	Nguyễn Trung Kiên	Phó Viện trưởng Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ - Kỹ sư hạ tầng đô thị	Lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, đô thị
85.	Hoàng Gia Trung	Giảng viên Viện Quản lý xây dựng và đô thị	Thạc sỹ - Kỹ sư xây dựng	Lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng
VII	Cục Phát triển đô thị			
86.	Trần Quốc Thái	Cục trưởng	Tiến sỹ Kiến trúc, Kiến trúc sư	Phát triển đô thị
87.	Nguyễn Mạnh Khởi	Phó Cục trưởng	Tiến sỹ kinh tế; Thạc sỹ Luật	Phát triển đô thị

88.	Lê Hoàng Trung	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ Kiến trúc	Phát triển đô thị
89.	Nguyễn Cao Viên	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ Quy hoạch vùng và đô thị	Phát triển đô thị
90.	Lê Hồng Thủy	Trưởng phòng Quản lý phát triển đô thị	Thạc sỹ Quản lý tài nguyên và môi trường	Phát triển đô thị
91.	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Trưởng phòng Chiến lược và kế hoạch phát triển đô thị	Thạc sỹ Kỹ thuật cấp thoát nước	Phát triển đô thị
92.	Nguyễn Ngọc Sơn	Chánh Văn phòng	Thạc sỹ Kiến trúc	Phát triển đô thị
93.	Nguyễn Văn Giang	Phó trưởng phòng Chiến lược và kế hoạch phát triển đô thị	Thạc sỹ Quy hoạch vùng và đô thị	Phát triển đô thị
94.	Phạm Hữu Thành	Phó Trưởng phòng Quản lý phát triển đô thị	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Phát triển đô thị
95.	Phạm Thanh Tùng	Phó Trưởng phòng Thẩm định dự án đầu tư phát triển đô thị	Thạc sỹ cầu đường, kỹ sư xây dựng	Phát triển đô thị
96.	Phạm Văn Thành	Chuyên viên phòng Thẩm định dự án đầu tư phát triển đô thị	Thạc sỹ Quy hoạch; Cử nhân Luật Kinh tế	Phát triển đô thị
97.	Nguyễn Đình Long	Chuyên viên Văn phòng Cục	Thạc sỹ quản lý xây dựng; Cử nhân Luật Kinh tế	Phát triển đô thị
VII	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam			
98.	Hoàng Minh Toàn	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ quản lý công	Hàng hải và đường thủy nội địa
99.	Vũ Quỳnh Anh	Trưởng phòng Pháp chế	Thạc sỹ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa
100.	Đoàn Trường Sơn	Phó Trưởng phòng Pháp chế	Cử nhân Luật	Hàng hải và đường thủy nội địa
101.	Nguyễn Hà Hải	Phó Trưởng phòng HTQT- IMO	Thạc sỹ Quản lý Hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa
102.	Trần Công Sáng	Chuyên viên phòng Pháp chế	Thạc sỹ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa
103.	Nguyễn Thị Bích Hằng	Chuyên viên phòng Pháp chế	Cử nhân Luật	Hàng hải và đường thủy nội địa
104.	Võ Thị Thanh Giang	Chuyên viên phòng Pháp chế	Thạc sỹ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa
105.	Đinh Phương Anh	Chuyên viên phòng Pháp chế	Cử nhân Luật	Hàng hải và đường thủy nội địa
106.	Đặng Thị Quyên	Chuyên viên phòng Pháp chế	Thạc sỹ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa

107.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Chuyên viên phòng Pháp chế	Thạc sĩ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa
108.	Tô Hồng Ngọc	Chuyên viên phòng Pháp chế	Thạc sĩ Luật học	Hàng hải và đường thủy nội địa
VIII	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương IV			
109.	Nguyễn Vũ Giang	Giảng viên khoa Cơ bản Kinh tế, Trường Cao đẳng GTVT Trung ương IV	Cử nhân Luật	Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ viên chức và học sinh sinh viên trong toàn trường.
IX	Vụ Quy hoạch – Kiến trúc			
110.	Trần Thu Hằng	Vụ trưởng	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
111.	Nguyễn Chí Ngọc	Phó Vụ trưởng	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
112.	Vũ Anh Tú	Phó Vụ trưởng	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
113.	Nguyễn Tuấn Anh	Chuyên viên chính	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
114.	Phạm Đức Minh	Chuyên viên chính	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
115.	Nguyễn Quang Đức	Chuyên viên chính	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
116.	Nguyễn Lý Hồng	Chuyên viên chính	Thạc sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
117.	Nguyễn Xuân Thắng	Chuyên viên	Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
118.	Tạ Quốc Thắng	Chuyên viên	Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
119.	Hoàng Phương	Chuyên viên	Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc

120.	Nguyễn Trung Kiên	Chuyên viên	Thạc sỹ	Quy hoạch đô thị và nông thôn; Kiến trúc
X	Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng			
121.	Nguyễn Việt Sơn	Phó Cục trưởng	Thạc sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
122.	Đỗ Việt Hà	Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Giám định xây dựng	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
123.	Dương Minh Nghĩa	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Giám định xây dựng	Thạc sỹ kỹ thuật	- Quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng.
124.	Lê Quốc Anh	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Giám định xây dựng	Thạc sỹ	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
125.	Lê Trường Giang	Phó Trưởng phòng An toàn xây dựng	Tiến sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng
126.	Lã Mạnh Chiến	Chuyên viên	Thạc sỹ	- Quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng
127.	Phạm Tiến Cảnh	Chuyên viên	Thạc sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
128.	Đinh Xuân Quảng	Chuyên viên	Thạc sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
129.	Lê Sơn	Chuyên viên	Thạc sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
130.	Nguyễn Quốc Chính	Phó Giám đốc Trung tâm CDMI	Thạc sỹ kỹ thuật	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
XI	Viện Kinh tế xây dựng			

131.	Nguyễn Tấn Vinh	Viện trưởng	Tiến sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, kinh tế đô thị, quản lý hợp đồng trong xây dựng
132.	Nguyễn Phạm Quang Tú	Phó Viện trưởng	Tiến sĩ Kỹ thuật, kỹ sư xây dựng cầu đường bộ	Kinh tế xây dựng, kinh tế giao thông vận tải, thị trường nhà ở và bất động sản, chuyển đổi số
133.	Vũ Quyết Thắng	Phó Viện trưởng	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý hợp đồng xây dựng
134.	Phạm Huy Cường	Trưởng phòng Nghiên cứu Giá và thị trường xây dựng	Thạc sĩ Kinh tế xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
135.	Nguyễn Đình Hiếu	Phó trưởng phòng Nghiên cứu hợp đồng xây dựng	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng
136.	Tô Minh Thu	Phó trưởng phòng Nghiên cứu hợp đồng xây dựng	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, đấu thầu
137.	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Trưởng phòng Quản lý khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý khoa học, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn
138.	Phạm Thu Vân	Nghiên cứu viên	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý khoa học, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn
139.	Phạm Xuân Hoàn	Phó trưởng phòng Nghiên cứu Kinh tế phát triển đô thị	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư xây dựng	Kinh tế xây dựng, phát triển đô thị
140.	Lê Mạnh Cường	Giám đốc Viện Kinh tế nhà ở và thị trường bất động sản	Tiến sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, kinh tế giao thông, thị trường nhà ở và bất động sản
141.	Nguyễn Anh Khoa	Trưởng phòng Nghiên cứu Kinh tế hạ tầng kỹ thuật	Thạc sĩ Kinh tế chính trị, cử nhân kinh tế	Kinh tế hạ tầng kỹ thuật, Quản lý chi phí đầu tư xây dựng
142.	Ngô Thế Vinh	Trưởng phòng Nghiên cứu Kinh tế phát triển đô thị	Tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình, kỹ sư đô thị	Kinh tế xây dựng, phát triển đô thị

143.	Nguyễn Văn Đoàn	Giám đốc Trung tâm tư vấn kinh tế đầu tư xây dựng	Thạc sỹ kỹ thuật xây dựng, kỹ sư xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, định mức xây dựng
144.	Nguyễn Gia Vinh	Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn kinh tế đầu tư xây dựng	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
145.	Tạ Ngọc Bình	Trưởng phòng Nghiên cứu xây dựng số và Mô hình thông tin công trình	Tiến sỹ kỹ thuật xây dựng giao thông, kỹ sư kỹ thuật xây dựng và giao thông	Mô hình thông tin công trình (BIM), chuyển đổi số dữ liệu xây dựng
146.	Nguyễn Tiến Bùi	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu Kinh phát triển đô thị	Thạc sỹ Quản lý xây dựng, kỹ sư xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
147.	Nguyễn Thị Hạnh	Phó trưởng phòng Nghiên cứu Giá và thị trường xây dựng	Thạc sỹ quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
148.	Vũ Hồng Hoa	Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	Thạc sĩ Khoa học môi trường, cử nhân khoa học	Kinh tế môi trường, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng
149.	Trịnh Đức Lương	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thạc sỹ quản lý xây dựng, kỹ sư xây dựng cầu đường bộ	Kinh tế xây dựng, quản lý cán bộ viên chức, công tác Đảng
150.	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng phòng Nghiên cứu định mức xây dựng	Thạc sỹ kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, định mức xây dựng
151.	Thân Văn Hoàng	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu định mức xây dựng	Thạc sỹ quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, định mức xây dựng
152.	Phan Thị Thu Thủy	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu định mức xây dựng	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, kỹ sư đô thị	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, định mức xây

				dựng
153.	Lê Hồng Vân	Phó giám đốc Viện Kinh tế nhà ở và thị trường bất động sản	Thạc sĩ Kinh tế xây dựng, kỹ sư kinh tế và quản lý đô thị	Kinh tế xây dựng, thị trường nhà ở và bất động sản
154.	Trần Mạnh Hà	Giám đốc Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
155.	Phạm Tuấn Mạnh	Phó Giám đốc Phân viện kinh tế xây dựng miền Nam	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp
156.	Phạm Trọng Đoàn	Phó trưởng phòng Nghiên cứu Kinh tế hạ tầng kỹ thuật	Thạc sĩ Quản lý xây dựng, kỹ sư Kinh tế xây dựng	Kinh tế hạ tầng kỹ thuật, Quản lý chi phí đầu tư xây dựng
XII	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam			
157.	Lương Thị Kim Dung	Giảng viên chính, Bộ môn Luật Hàng hải, Khoa Hàng hải, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Tiến sĩ Luật Quốc tế	Luật Hàng hải
158.	Bùi Hưng Nguyên	Giảng viên, Bộ môn Luật Hàng hải, Khoa Hàng hải, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Luật Hàng hải
159.	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Giảng viên, Bộ môn Luật Hàng hải, Khoa Hàng hải, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Tiến sĩ Luật Hàng hải	Luật Hàng hải
XIII	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I			
160.	Ngô Viết Tuyến	Giảng viên GDN lý thuyết (hạng III), khoa Sư phạm Giáo dục nghề nghiệp – Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	Cử nhân chuyên ngành: Pháp luật kinh tế và luật quốc tế	Giảng viên giảng dạy môn pháp luật
XIV	Vụ Vận tải và An toàn giao thông			
161.	Hoàng Thế Tùng	Phó Vụ trưởng	ThS. Quản trị kinh doanh, KS. Kinh tế vận tải	Vận tải và an toàn giao thông
162.	Đỗ Công Thủy	Chuyên viên cao cấp	Thạc sĩ Tổ chức và quản lý vận	Vận tải và an toàn giao thông

			tải, Kỹ sư kinh tế vận tải đường bộ	đường bộ
163.	Trương Trọng Doanh	Chuyên viên chính	Thạc sĩ Quản lý vận tải; Kỹ sư Công trình thủy, cử nhân Môi trường	Vận tải đường thủy; ATGT, đường thủy, hàng hải, đường bộ; môi trường
164.	Nguyễn Văn Thuân	Chuyên viên	Kỹ sư kinh tế vận tải hàng không, cử nhân Luật	Vận tải và an toàn giao thông hàng không
165.	Trịnh Quang Trung	Chuyên viên chính	Thạc sĩ Tổ chức quản lý vận tải, Kỹ sư kinh tế vận tải đường bộ	Vận tải và an toàn giao thông đường bộ
166.	Đỗ Trọng Hiếu	Chuyên viên chính	Thạc sĩ Quản lý khai thác vận tải, Kỹ sư Kinh tế vận tải đường bộ	An toàn giao thông
167.	Nguyễn Văn Bằng	Chuyên viên chính	Kỹ sư Điều khiển tàu biển, cử nhân Luật	Vận tải và an toàn hàng hải
168.	Đinh Chí Linh	Chuyên viên chính	Thạc sĩ Tổ chức chuyên chở và Quản lý vận tải đường không, cử nhân Kinh tế vận tải đường không	Vận tải và An toàn giao thông hàng không
169.	Nguyễn Thái Sơn	Chuyên viên chính	Thạc sĩ kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Vận tải và an toàn giao thông đường bộ
170.	Đỗ Nguyễn Việt Hưng	Chuyên viên chính	Thạc sĩ nghiên cứu quốc tế, Kỹ sư xây dựng đường ô tô và sân bay	An toàn đường bộ, vận tải đường sắt
XV	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II			
171.	Trần Thị Thanh Hòa	Giảng viên khoa Cơ bản – Cơ sở	Cử nhân Luật	Cán bộ tư vấn pháp luật
XVI	Cục Hàng không Việt Nam			
172.	Nguyễn Dương	Trưởng phòng, Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay	Thạc sĩ kinh tế và quản trị công	Lĩnh vực quản lý cảng hàng không, sân bay
173.	Trần Huy Hoàng	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay	Thạc sĩ tự động hóa	Lĩnh vực quản lý cảng hàng không, sân bay

174.	Đinh Văn Cung	Chánh thanh tra Hàng không Việt Nam	Cử nhân Luật	Lĩnh vực thanh tra hàng không dân dụng
175.	Hồ Minh Tuấn	Phó Chánh thanh tra Hàng không Việt Nam	Kỹ sư	Lĩnh vực thanh tra hàng không dân dụng
176.	Hoàng Việt	Phó Chánh thanh tra Hàng không Việt Nam	Kỹ sư	Lĩnh vực thanh tra hàng không dân dụng
177.	Tạ Minh Trọng	Trưởng phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	Thạc sỹ quản lý an toàn hàng không	Tàu bay và khai thác tàu bay
178.	Trần Văn Việt	Phó trưởng Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	Thạc sỹ quản lý an toàn hàng không và đủ điều kiện bay	Tàu bay và khai thác tàu bay
179.	Lương Thị Hải Hạnh	Phó trưởng Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	Thạc sỹ thiết bị đo lường hàng không	Tàu bay và khai thác tàu bay
180.	Trần Văn Phú	Chuyên viên Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	Thạc sỹ quản lý an toàn hàng không và đủ điều kiện bay	Tàu bay và khai thác tàu bay
181.	Mai Mạnh Hùng	Trưởng phòng, Phòng Quản lý hoạt động bay	Thạc sỹ khoa học, xử lý thông tin truyền thông	Lĩnh vực quản lý hoạt động bay
182.	Lưu Thị Lan Hương	Phó trưởng phòng, Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế	Thạc sỹ Luật	Lĩnh vực pháp chế hàng không
183.	Hoàng Thùy Linh	Chuyên viên, Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế	Thạc sỹ Luật	Lĩnh vực pháp chế hàng không
184.	Vũ Thị Thanh	Phó trưởng phòng, Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường	Thạc sỹ Khoa học môi trường	Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường hàng không
185.	Hoàng Vĩnh Hội	Phó trưởng phòng, Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường	Tiến sỹ tội phạm học	Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường hàng không
186.	Trần Thị Kim Dung	Phó trưởng phòng, Phòng Kế hoạch – Tài chính	Cử nhân Luật	Lĩnh vực tài chính, kế hoạch
187.	Phạm Ngọc Vũ	Phó trưởng phòng, Phòng Tổ chức cán bộ	Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Lĩnh vực tổ chức cán bộ
188.	Hồ Quốc Cường	Chuyên viên, Phòng Vận tải	Kỹ sư Kinh tế hàng không	Lĩnh vực vận tải hàng không

		hàng không		
189.	Nguyễn Thị Lan	Chuyên viên, Văn phòng	Cử nhân Luật	Lĩnh vực hành chính, văn thư, lưu trữ
190.	Nguyễn Đức Hùng	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý Cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không miền Bắc	Cử nhân An ninh kinh tế - Văn hóa tư tưởng	Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật
191.	Đoàn Mạnh Hà	Chuyên viên phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không miền Nam	Cử nhân Quân sự; Cử nhân Chính trị học	Công tác kiểm tra, giám sát về lĩnh vực Quản lý cảng hàng không, sân bay Cục HKVN
XVII	Cục Đăng kiểm Việt Nam			
192.	Nguyễn Công Toàn	Trưởng phòng Phòng Pháp chế - Thanh tra - Khoa học công nghệ	Thạc sỹ Luật	Pháp luật
193.	Phạm Văn Thái	Chuyên viên Phòng Pháp chế - Thanh tra - Khoa học công nghệ	Cử nhân Luật	Pháp luật
194.	Lê Phương Dung	Chuyên viên Phòng Pháp chế - Thanh tra - Khoa học công nghệ	Thạc sỹ Luật	Pháp luật
195.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chuyên viên Phòng Pháp chế - Thanh tra - Khoa học công nghệ	Cử nhân Luật	Pháp luật
196.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Chuyên viên Phòng Pháp chế - Thanh tra - Khoa học công nghệ	Cử nhân Luật	Pháp luật
XVIII	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V			
197.	Phạm Thị Sông Thương	Giảng viên, phòng Tổ chức – Hành chính quốc tế	Cử nhân Luật học, thạc sỹ Luật học	PBGDPL cho viên chức, người lao động trong Trường và học sinh, sinh viên, học viên của Nhà trường
XIX	Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia			
198.	Hoàng Vĩnh Hưng	Viện trưởng	PGS. Tiến sĩ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
199.	Cao Sỹ Niêm	Phó Viện trưởng	Thạc sỹ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn

200.	Nguyễn Trung Dũng	Trưởng phòng Khoa học, đào tạo và Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
201.	Trương Minh Ngọc	Phó trưởng phòng Khoa học, đào tạo và Hợp tác quốc tế	Thạc sĩ, Kỹ sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
202.	Lê Anh Dũng	Giám đốc Trung tâm Quy hoạch khu vực 3	Thạc sĩ, Kỹ sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
203.	Lê Hoàng Phương	Giám đốc Trung tâm Kiến trúc, Quy hoạch Hà Nội	Thạc sĩ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
204.	Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Trung tâm Quy hoạch khu vực 1	Thạc sĩ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
205.	Vũ Hồng Sơn	Giám đốc Viện Quy hoạch Xây dựng Phát triển Nông thôn	Thạc sĩ, Kiến trúc sư	Quy hoạch đô thị và nông thôn
XX	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II			
206.	Trần Thị Thanh Hòa	Giảng viên khoa Sư phạm - Cơ bản cơ sở	Cử nhân Luật	Cán bộ tư vấn pháp luật
XXI	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng			
207.	Tạ Quang Vinh	Cục trưởng	Thạc sĩ Kỹ thuật	Hạ tầng kỹ thuật
208.	Lê Thị Thu Hà	Phó Cục trưởng	Thạc sĩ, Kỹ sư	Đường bộ, hàng không
209.	Nguyễn Hữu Quân	Phó Cục trưởng	Kỹ sư Xây dựng cảng, đường thủy	Đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa
210.	Nguyễn Thành Nam	Phó Cục trưởng	Thạc sĩ Kỹ thuật	Hạ tầng kỹ thuật
211.	Trần Hoài Anh	Phó Cục trưởng	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Tiến sĩ Xây dựng	Hạ tầng kỹ thuật
212.	Nguyễn Minh Đức	Trưởng phòng Quản lý Cấp, thoát nước	Kỹ sư Địa chất thủy văn	Lĩnh vực cấp, thoát nước
213.	Lương Ngọc Khánh	Phó Trưởng phòng Quản lý Cấp, thoát nước	Kỹ sư Cấp thoát nước Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường	Lĩnh vực cấp, thoát nước
214.	Nguyễn Thị Hồng Khánh	Phó Trưởng phòng Quản lý Cấp, thoát nước	Kỹ sư thủy lợi Thạc sĩ Quản lý tài nguyên nước	Lĩnh vực cấp, thoát nước

215.	Lê Thu Thủy	Chuyên viên Phòng Quản lý Cấp, thoát nước	Kỹ sư, thạc sĩ kỹ thuật môi trường chuyên ngành cấp thoát nước, môi trường nước	Lĩnh vực cấp, thoát nước
216.	Đỗ Quốc Khánh	Trưởng phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thạc sĩ Kỹ thuật	Hạ tầng kỹ thuật đô thị
217.	Nguyễn Khánh Long	Phó Trưởng phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	Kỹ sư công nghệ hóa Thạc sĩ Khoa học xã hội	Hạ tầng kỹ thuật đô thị
218.	Đinh Minh Trí	Chuyên viên Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Hạ tầng kỹ thuật đô thị
219.	Lê Việt Phương	Chuyên viên Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Hạ tầng kỹ thuật đô thị
220.	Nguyễn Xuân Long	Chuyên viên Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	Thạc sĩ Quản lý đô thị và công trình	Hạ tầng kỹ thuật đô thị
221.	Lưu Thanh Tùng	Chánh Văn phòng	Kỹ sư Xây dựng cầu đường	Hạ tầng kỹ thuật
222.	Hoàng Mạnh Hiệp	Phó Chánh Văn phòng	Thạc sĩ Quản lý đô thị	Hạ tầng kỹ thuật
223.	Nguyễn Huy Trình	Phó Trưởng phòng Kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ sư Bảo đảm an toàn đường thủy	Quản lý, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy nội địa
224.	Nguyễn Văn Khiếu	Chuyên viên Phòng Kết cấu hạ tầng giao thông	Thạc sĩ kỹ thuật; Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, hàng không
225.	Đinh Quang Hợp	Chuyên viên Phòng Kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ sư cầu đường bộ	Quản lý, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, hàng không
226.	Phạm Quang Anh	Chuyên viên Phòng Kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt
XXII	Học viện Hàng không Việt Nam			
227.	Lê Thị Khánh Hòa	Giảng viên, Khoa cơ bản	Thạc sĩ Luật	Phổ biến giáo dục pháp luật chung
XXIII	Văn phòng Bộ			
228.	Nguyễn Thị Hương	Trưởng phòng Thông tin – truyền thông	Cử nhân Báo chí, Cử nhân Luật	Truyền thông chính sách
XXIV	Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh			

229.	Phạm Thị Định Nghĩa	Quyền trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ	Thạc sĩ Luật Hiến pháp và Hành chính	Pháp luật về lĩnh vực Pháp chế và kiểm tra nội bộ
230.	Nguyễn Thị Hồng Minh	Chuyên viên phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Pháp luật về lĩnh vực Pháp chế và kiểm tra nội bộ
XXV	Cục Đường sắt Việt Nam			
231.	Bùi Thế Thành	Trưởng phòng Vận tải – Pháp chế	Kỹ sư Kinh tế vận tải	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
232.	Uông Đình Hùng	Phó trưởng Phòng Vận tải – Pháp chế	Kỹ sư Khai thác kinh tế vận tải đường sắt	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
233.	Vũ Ngọc Quang	Pháp chế viên chính Phòng Vận tải – Pháp chế	Cử nhân Luật, Cử nhân Xã hội học	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
234.	Nguyễn Thế Anh	Pháp chế viên chính Phòng Vận tải – Pháp chế	Cử nhân Luật	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
235.	Lê Phương	Chuyên viên Phòng Vận tải – Pháp chế	Kỹ sư Đầu máy – toa xe	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
236.	Đào Mộng Khánh Hưng	Chuyên viên chính Phòng Vận tải – Pháp chế	Kỹ sư Kinh tế vận tải	Pháp luật về lĩnh vực đường sắt
237.	Bùi Anh Tuyên	Phó trưởng Phòng Quản lý an toàn đường sắt I	Kỹ sư Vận tải và Kinh tế đường sắt; Thạc sĩ Tổ chức và Quản lý vận tải	Quản lý an toàn đường sắt
238.	Nguyễn Văn Hợp	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt I	Kỹ sư Điều khiển học giao thông vận tải	Quản lý an toàn đường sắt
239.	Nguyễn Tiến Hùng	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt I	Kỹ sư Vận tải; Thạc sĩ Tổ chức và quản lý vận tải	Quản lý an toàn đường sắt
240.	Bùi Ngọc Vinh	Chuyên viên chính Phòng Quản lý an toàn đường sắt I	Kỹ sư Kỹ thuật viễn thông	Quản lý an toàn đường sắt
241.	Nguyễn Tuấn Anh	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt I	Kỹ sư Cầu đường sắt	Quản lý an toàn đường sắt
242.	Nguyễn Thị Thảo Như	Phó trưởng Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế	Quản lý an toàn đường sắt

243.	Đặng Huy	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Cử nhân Luật; Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý an toàn đường sắt
244.	Võ Hồng Sơn	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Kỹ sư Kinh tế vận tải sắt	Quản lý an toàn đường sắt
245.	Hoàng Tiến Dũng	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Kỹ sư xây dựng cầu đường; Cử nhân Kinh tế	Quản lý an toàn đường sắt
246.	Phan Đức Duy	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Kỹ sư Kỹ thuật viễn thông	Quản lý an toàn đường sắt
247.	Trần Thành Nhân	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt II	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý an toàn đường sắt
248.	Nguyễn Văn Bình	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt III	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý an toàn đường sắt
249.	Trần Trọng Đạt	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt III	Kỹ sư xây dựng đường bộ	Quản lý an toàn đường sắt
250.	Nguyễn Văn Dũng	Chuyên viên Phòng Quản lý an toàn đường sắt III	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Quản lý an toàn đường sắt
XXVI	Vụ Tổ chức cán bộ			
251.	Phạm Thị Thu Hương	Chuyên viên	Thạc sĩ Luật	Xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực xây dựng
252.	Phạm Ngọc Hải	Chuyên viên	Thạc sĩ Luật	- Xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực xây dựng; - Quản lý nhà ở và thị trường bất động sản